

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức
và người lao động của các cơ quan, đơn vị bị tác động, ảnh hưởng
do sắp xếp đơn vị hành chính**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, đơn vị bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính; Báo cáo thẩm tra số 188/BC-PC ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, đơn vị bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại các cơ quan Trung ương cấp tỉnh đóng trên địa bàn thành phố bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức được điều động, luân chuyển, biệt phái về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo Đề án số 1342/ĐA-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Nghị quyết này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhận công tác ở các cơ quan, đơn vị tại đơn vị hành chính mới từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng đã hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh có trụ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (trước khi sắp xếp) về công tác tại các cơ quan, đơn vị có trụ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ).

b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh có trụ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ) về công tác tại các cơ quan, đơn vị có trụ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (trước khi sắp xếp).

c) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, huyện (trước khi sắp xếp) được điều động về công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp xã sau sắp xếp.

d) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ và đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã (trước khi sắp xếp) được điều động về công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp xã miền núi, xã đảo sau sắp xếp.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền trên địa bàn thành phố được điều động, luân chuyển, biệt

phái về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã từ đủ 01 tháng đến dưới 36 tháng theo Đề án số 1342/ĐA-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại các cơ quan Trung ương cấp tỉnh (chi tiết theo Phụ lục đính kèm) có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (trước khi sắp xếp) về công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có trụ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ) và ngược lại chịu tác động trực tiếp khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng (cũ).

Điều 2. Quy định xã miền núi, xã đảo; nguyên tắc và thời gian hỗ trợ

1. Quy định xã miền núi, xã đảo áp dụng tại Nghị quyết này như sau:

a) Xã đảo bao gồm 02 xã: Tam Hải, Tân Hiệp.

b) Xã miền núi bao gồm 29 xã: Thạnh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dêê, La Êê, Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp, Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên, Avương, Tây Giang, Hùng Sơn, Trà Liên, Trà Giáp, Trà Tân, Trà Đốc, Trà My, Nam Trà My, Trà Tập, Trà Vân, Trà Linh, Trà Leng, Phước Trà.

2. Quy định khoảng cách tại Nghị quyết này được xác định bằng chiều dài của lộ trình đường giao thông đường bộ ngắn nhất từ nơi ở đến nơi công tác.

3. Thời gian và nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí thuê nhà ở đối với mỗi đối tượng được thực hiện trong thời gian 24 tháng, bắt đầu từ thời điểm nhận công tác tại đơn vị hành chính mới. Hỗ trợ chi phí di dời, ổn định chỗ ở là một lần.

Đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thời gian hỗ trợ theo thời gian điều động, luân chuyển, biệt phái của cấp có thẩm quyền bắt đầu từ thời điểm nhận công tác.

b) Kinh phí hỗ trợ được chi trả cùng với kỳ trả lương hằng tháng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm xác định đối tượng được hỗ trợ theo đúng quy định tại Nghị quyết này và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định.

Điều 3. Nội dung chính sách hỗ trợ

1. Đối tượng được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1

a) Điều kiện áp dụng:

Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của cá nhân, của vợ (chồng), chưa được mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở thuộc tài sản công tại thành phố Đà Nẵng (cũ) đối với đối tượng tại điểm a khoản 1 Điều 2; chưa có nhà ở thuộc sở hữu của cá nhân, của vợ (chồng), chưa được mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở thuộc tài sản công tại tỉnh Quảng Nam (trước khi sắp xếp) đối với đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều 2; có khoảng cách từ nơi ở của mình đến nơi công tác từ 30 km trở lên.

b) Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ chi phí đi lại: 400.000 đồng/người/tháng.

Hỗ trợ chi phí thuê nhà ở: 4.000.000 đồng/người/tháng. Trường hợp đã được hưởng chính sách thuê nhà ở xã hội, nhà ở thuộc tài sản công tại nơi công tác (thuê cá nhân hoặc thuê căn hộ gia đình) thì được hỗ trợ chi phí thuê và chi phí quản lý vận hành theo căn hộ, do cơ quan có thẩm quyền quy định nhưng không vượt quá mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/tháng/căn.

Hỗ trợ chi phí di dời ổn định chỗ ở (hỗ trợ một lần): 5.000.000 đồng/người.

2. Đối tượng được quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 1

a) Điều kiện áp dụng

Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của cá nhân, của vợ (chồng), chưa được mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở thuộc tài sản công tại nơi đến công tác, có khoảng cách từ nơi ở của mình đến nơi công tác từ 30 km trở lên. Trường hợp về công tác tại xã miền núi, xã đảo thì không áp dụng điều kiện về khoảng cách.

b) Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ chi phí đi lại: 400.000 đồng/người/tháng.

Hỗ trợ chi phí thuê nhà ở: 2.000.000 đồng/người/tháng. Trường hợp đã được hưởng chính sách thuê nhà ở xã hội, nhà ở thuộc tài sản công tại nơi công tác (thuê cá nhân hoặc thuê căn hộ gia đình) thì được hỗ trợ chi phí thuê và chi phí quản lý vận hành theo căn hộ, do cơ quan có thẩm quyền quy định nhưng không vượt quá mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/tháng/căn.

Hỗ trợ chi phí di dời ổn định chỗ ở (hỗ trợ 01 lần): 2.500.000 đồng/người.

3. Đối tượng được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1

a) Điều kiện áp dụng

Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của cá nhân, của vợ (chồng), chưa được mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở thuộc tài sản công tại nơi đến công tác; có khoảng cách từ nơi ở của mình đến nơi công tác từ 30 km trở lên.

b) Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần tại thời điểm nhận công tác với mức 10.000.000 đồng/người.

Trường hợp Trung ương ban hành chính sách hỗ trợ công chức, viên chức và người lao động thuộc các Bộ, ngành trung ương quản lý thì không áp dụng chính sách hỗ trợ của địa phương.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách thành phố đảm bảo.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

b) Kịp thời hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết; thường xuyên theo

đôi, tổng hợp, phối hợp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xử lý các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện.

c) Chỉ đạo Sở Tài chính kịp thời cân đối, bố trí nguồn ngân sách để triển khai thực hiện; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức rà soát kỹ lưỡng, chính xác đối tượng được hỗ trợ; tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đảm bảo việc thực hiện chính sách công bằng, minh bạch, đúng đối tượng.

2. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định các vấn đề liên quan và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Chính sách quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam các xã, phường, đặc khu thuộc thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng



Phụ lục

**DANH SÁCH CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRUNG ƯƠNG ĐÓNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên cơ quan, đơn vị
1	Công an thành phố Đà Nẵng
2	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Đà Nẵng
3	Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng
4	Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng
5	Thuế thành phố Đà Nẵng
6	Kho bạc nhà nước khu vực XIII
7	Chi cục Hải quan khu vực XII
8	Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng
9	Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng
10	Thống kê thành phố Đà Nẵng
11	Ngân hàng nhà nước khu vực IX
12	Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng